

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày: 10-9-2019
V/v tranh chấp: Yêu cầu thanh
toán tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH , TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung – Thẩm phán sơ cấp, Tòa
án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga và ông Phạm Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
tham gia phiên tòa:*** ông Khuất Duy Xuân Quý – Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
05/2018/TLST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu thanh
toán tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-KDTM ngày 12
tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên lương thực L
- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức Thắng
Chức vụ: Giám đốc
Người được ủy quyền: ông La Văn H – Phó giám đốc (*Có mặt*).
Địa chỉ: 373, phố B, quận H, TP Hà Nội.
- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Nguyên đơn: ông Đỗ Văn H (*Có mặt*)
Luật sư, văn phòng Luật sư 559 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội.
2. Bị đơn: Công ty cổ phần KTHT
Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Duy Toàn (*Vắng mặt*)

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 54A, Cù Chính Lan, phường Đ, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2018, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa phía Nguyên đơn – ông La Văn Hải trình bày:

Ngày 22/4/2011 Công ty TNHH một thành viên lương thực L (sau đây viết tắt là Công ty L) và Công ty TNHH KTHT (sau đây viết tắt là Công ty THT) ký Hợp đồng B01-11/LY với nội dung: Công ty L bán cho Công ty THT 270.244 kg thép xây dựng loại D10-D12, đơn giá 13.100Đ/kg và 312.391 kg thép xây dựng loại D14-D32, đơn giá 14.130Đ/kg, giá trị hợp đồng là: 8.749.709.353Đ (*Tám tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm linh chín nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng*).

Ngày 22/4/2011 Công ty L và Công ty THT ký Hợp đồng B02-11/LY với nội dung: Cty L bán cho Cty THT 250.132 kg thép tấm quy cách, đơn giá 12.550Đ/kg và 197.285 kg thép hình I200-I350X12m, đơn giá 16.320Đ/kg, giá trị hợp đồng là: 6.994.732.580Đ (*Sáu tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng*).

Ngày 06/7/2011 Công ty L và Công ty THT ký Hợp đồng B06/2011/LTLY-KSHB với nội dung: Cty L bán cho Cty THT 46.000kg thép lá cán nóng dạng cuộn (xuất xứ CHLB Đức), đơn giá 13.818,18Đ/kg và 84.442 kg thép lá cán nóng dạng cuộn (xuất xứ Nhật Bản), đơn giá 20.181,82Đ/kg, giá trị hợp đồng là: 2.573.812.476Đ (*Hai tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

Thực hiện 03 hợp đồng nêu trên Công ty L đã giao cho Công ty THT đủ số hàng hóa theo hợp đồng; cụ thể ngày 23/4/2011 hai bên đã giao nhận hàng hóa theo hợp đồng B01-11/LY và B02-11/LY, ngày 06/7/2011 hai bên đã giao nhận hàng hóa theo hợp đồng B06/2011/LTLY-KSHB. Tổng giá trị 03 hợp đồng là 18.318.254.409Đ (*Mười tám tỷ ba trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm linh chín đồng*). Cũng theo hợp đồng thì việc thanh toán tiền hàng ngay sau khi bên bán (Công ty L) hoàn thành việc giao nhận hàng hóa, thời hạn chậm trả không quá 03 tháng, lãi xuất chậm trả 2%/tháng.

Sau khi giao nhận hàng hóa, tính đến ngày 16/9/2014 phía Công ty THT chỉ thanh toán cho Công ty L số tiền hàng hóa 5.800.000.000Đ (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng*; tính đến ngày 18/12/2014 phía Công ty THT thanh toán cho Công ty L số

tiền hàng hóa 6.300.000.000Đ (*Sáu tỷ ba triệu đồng*); tính đến ngày 11/02/2015 phía Công ty THT thanh toán cho Công ty L số tiền hàng hóa 6.550.000.000Đ (*Sáu tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*); tính đến ngày 13/9/2017 phía Công ty THT thanh toán cho Công ty L số tiền hàng hóa 6.994.732.580Đ (*Sáu tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng*); hiện Công ty THT còn nợ Công ty L số tiền 11.323.521.829Đ (*Mười một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng*). Phía Công ty L đã nhiều lần yêu cầu thanh toán và giải quyết công nợ với Công ty THT nhưng phía Công ty THT vẫn không thanh toán nốt số tiền còn nợ lại. Vì vậy Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty THT thanh toán số tiền nợ gốc (tiền hàng hóa) là 11.323.521.829Đ (*Mười một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng*) và số tiền lãi qua hạn tạm tính đến 31/12/2017 là 4.681.303.984Đ (*Bốn tỷ sáu trăm tám mươi một triệu ba trăm linh ba nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng*). Tổng số tiền Công ty L yêu cầu buộc Công ty THT thanh toán là 16.004.825.813Đ (*Mười sáu tỷ không trăm linh bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm mười ba đồng*). Tại phiên tòa phía Công ty L yêu cầu Tòa án buộc Công ty THT thanh toán số nợ gốc 11.323.521.829Đ và lãi xuất theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về Tổ tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ theo các quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn – Công ty TNHH KTHT có trụ sở làm việc tại thành phố Hòa Bình do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo điểm (b) khoản 1 Điều 35, điểm (a) khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – Công ty TNHH một thành viên lương thực L đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí nên việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định các Điều 69, 186, 189, 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 31/10/2018 phía Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã lập Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ theo Điều 209 BLTTDS và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã gửi thông báo kết quả phiên họp cho phía bị đơn. Do Bị đơn không tham gia phiên hòa giải nên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho phía Bị đơn, tuy nhiên theo xác minh Công ty THT hiện không còn hoạt động tại trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Công ty THT thường xuyên thay đổi nơi ở, do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 BLTTDS. Ngày 29/7/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần 1, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227, 233 HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 22/8/2019 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không giải quyết được vụ án; do không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa nên HĐXX quyết định ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ.

Về nội dung:

[1] Về hợp đồng mua bán hàng hóa: Công ty L và Công ty THT có ký các Hợp đồng kinh tế: cụ thể Hợp đồng B01-11/LY ngày 22/4/2011, hợp đồng B02-11/LY ngày 22/4/2011, hợp đồng B06/2011/LTLY-KSHB ngày 06/7/2011. Nội dung hợp đồng có các điều khoản về loại Hàng hóa mua bán, địa điểm phương thức giao hàng, hình thức và thời hạn thanh toán, ngoài ra trong hợp đồng còn có các điều khoản về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật thương mại xác định chủ thể, nội dung, hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa giữa công ty L và công ty THT phù hợp pháp luật và có hiệu lực. Thực

hiện hợp đồng B01-11/LY, ngày 23/4/2011 Công ty L đã giao hàng cho Công ty THT (có biên bản giao nhận hàng hóa), ngày 25/4/2011 Công ty L đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty THT. Thực hiện hợp đồng B02-11/LY, ngày 25/4/2011 Công ty L đã giao hàng cho Công ty THT (có biên bản giao nhận hàng hóa), ngày 06/5/2011 đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty THT. Thực hiện hợp đồng B06/2011/LTLY-KSHB, ngày 06/7/2011 Công ty L đã giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty THT. Như vậy bên bán là Công ty L đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng về giao hàng hóa theo chủng loại đã thỏa thuận đúng thời gian và địa điểm. Sau khi giao nhận hàng hóa phía Công ty THT đã không thực hiện đúng điều khoản về thời hạn thanh toán đối với bên bán. Tuy nhiên phía Công ty THT không thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng. Sau đó giữa Công ty L và Công ty THT đã có nhiều buổi làm việc chốt công nợ và giải quyết công nợ vào các ngày 26/8/2014, 16/9/2014, 18/12/2014, 11/02/2015, 20/4/2015, 15/7/2015, 14/10/2015, 26/3/2016, 15/7/2016, 30/9/2016, 16/10/2016, 31/12/2016, 16/02/2017, 01/4/2017, 01/6/2017, 01/7/2017, 13/9/2017, 01/01/2018. Tại các phiên làm việc chốt nợ, giải quyết công nợ phía Công ty L chỉ yêu cầu Công ty THT thanh toán số tiền mua hàng còn nợ lại mà không yêu cầu thanh toán lãi xuất chậm trả, lãi phạt. Tại Công văn số 28/LTLY-KD&ĐT ngày 20/3/2018 của Công ty L cũng đã nêu rõ: “Công ty TNHH MTV lương thực L yêu cầu Công ty TNHH KTHT sớm thanh toán dứt điểm số tiền hàng còn nợ là: 11.323.521.829Đ tiền hàng của các Hợp đồng nêu trên trước ngày 31/3/2018”. Như vậy căn cứ vào thực tế hợp đồng đã thực hiện xong, các bên đã nhiều lần giải quyết công nợ và chốt công nợ với nhau, phía Công ty L chỉ yêu cầu Công ty THT thanh toán số tiền hàng còn nợ là 11.323.521.829Đ, không yêu cầu thanh toán lãi chậm trả.

[2] Về kế thừa quyền nghĩa vụ: Công ty L ký các Hợp đồng B01-11/LY ngày 22/4/2011, hợp đồng B02-11/LY ngày 22/4/2011, hợp đồng B06/2011/LTLY-KSHB ngày 06/7/2011 với Công ty THT. Thời điểm ký hợp đồng năm 2011 bên mua là Công ty TNHH KTHT, người đại diện theo pháp luật là ông Đào Duy Toàn. Ngày 15/4/2016 Công ty TNHH KTHT chuyển đổi thành Công ty cổ phần KTHT, người đại diện theo pháp luật là ông Đào Duy Toàn – chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc công ty. Căn cứ Điều 196 Luật doanh nghiệp Công ty cổ phần KTHT đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi. Bên cạnh đó, tại các Biên bản đối chiếu công nợ tài thời điểm sau khi chuyển đổi, Công ty cổ phần KTHT đều đã xác nhận công nợ với Công ty L.

Từ các căn cứ trên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Công ty L, buộc Công ty THT thanh toán số tiền còn nợ là 11.323.521.829Đ và lãi xuất theo quy định pháp luật. Theo hợp đồng các bên thỏa thuận mức lãi xuất chậm thanh toán là 2%, tương đương 24%/năm, mức lãi xuất này vượt quá mức lãi xuất theo quy định Điều 468 BLDS, do vậy áp dụng mức lãi xuất 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng để tính lãi xuất. Lãi xuất được tính từ ngày 01/4/2018 là thời điểm xác định phía Công ty THT vi phạm nghĩa vụ trả nợ (sau ngày yêu cầu thanh toán cuối cùng theo Công văn số 28/LTLY-KD&ĐT ngày 20/3/2018 của Công ty L) đến ngày tuyên án sơ thẩm 10/9/2019 là 17 tháng 09 ngày, cụ thể: $(11.323.521.829Đ \times 1,67\% \times 17 \text{ tháng}) + (11.323.521.829Đ \times 1,67\% : 30 \times 9 \text{ ngày}) = 3.214.748.000Đ + 51.058.000Đ = 3.265.806.000Đ$ (Ba tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).

Tổng số tiền Công ty cổ phần KTHT phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV lương thực L là: 14.589.328.000Đ (Mười bốn tỷ năm trăm tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp Công ty cổ phần KTHT phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm (a) khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 271, 273, 688 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 196 Luật doanh nghiệp; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Xử: Chấp nhận khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên lương thực L, buộc Công ty cổ phần KTHT phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên lương thực L tổng số tiền 14.589.328.000Đ (Mười bốn tỷ năm trăm tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty cổ phần KTHT phải nộp 122.589.000Đ (*Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại;

Công ty TNHH một thành viên lương thực L được hoàn lại số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005365 ngày 28/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP Hòa Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hòa Bình;
- Chi cục THADS TP Hòa Bình;
- UBND phường Đ,
TP Hòa Bình (Niêm yết);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dung